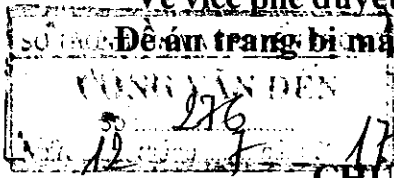


Số: **1036** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **10** tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Số 1036: **Đề án trang bị máy tính cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố
và UBND các xã, phường, thị trấn**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 về Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài Chính quy định về Quyết toán vốn dự án hoàn thành sử dụng ngân sách nhà nước; số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Theo các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Văn bản số 1067/UBND-TH ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc đồng ý chủ trương trang bị máy tính cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn; văn bản số 1378/UBND-TH ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chấp thuận Đề án “Trang bị máy tính cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn”; Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 970/TTr-SKHĐT ngày 04 tháng 7 năm 2017; đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 50/TTr-STTTT ngày 16 tháng 6 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Đề án trang bị máy tính cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, với các nội dung sau:

1. Tên Đề án : Trang bị máy tính cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.



2. Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nam.

3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ I.F.S.C.

4. Mục tiêu đầu tư:

- Trang bị bổ sung máy tính cho các vị trí cần thiết còn thiếu và thay thế những máy tính quá cũ để mỗi biên chế công chức của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có 01 bộ máy tính.

- Trang bị mỗi xã, phường, thị trấn 01 bộ máy tính đủ mạnh tại bộ phận Văn phòng để triển khai kết nối liên thông phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến.

- Tạo điều kiện cho các cơ quan tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chỉ số ICT Index và chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

5. Nội dung và quy mô đầu tư:

Tổng số: 446 bộ máy tính bao gồm:

a) Trang bị máy tính tại Sở, ban, ngành

- Bổ sung máy tính cho các vị trí cần thiết còn thiếu: 113 bộ.

- Thay thế các máy tính có khấu hao từ 10 năm trở lên: 94 bộ.

b) Trang bị máy tính tại Ủy ban nhân các huyện, thành phố

- Bổ sung máy tính cho các vị trí cần thiết còn thiếu: 49 bộ.

- Thay thế các máy tính có khấu hao từ 10 năm trở lên: 74 bộ.

c) Trang bị máy tính tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

Bổ sung mỗi xã, phường, thị trấn 01 máy tính: 116 bộ.

d) Thông số kỹ thuật cơ bản:

- Bộ vi xử lý: Intel Pentium G4400 3.30GHz; Chipset: Intel H110 Express; bộ nhớ trong: 4GB DDRAM4; ổ cứng 500GB 7200rpm cache 3MB; màn hình LED 19,5"; các màn hình, các âm thanh, ổ đĩa quang, vỏ máy và nguồn, bàn phím, chuột... kèm theo.

6. Tổng mức đầu tư:

5.310,1 triệu đồng.

Trong đó:

Chi phí thiết bị: 4.772,2 triệu đồng.

Chi phí quản lý dự án: 81,1 triệu đồng.

Chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT: 111,7 triệu đồng.

Chi phí khác: 92,2 triệu đồng.

Chi phí dự phòng: 252,9 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý điều hành dự án.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017.

10. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Phân công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

- Các nội dung khác theo các quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Nam và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh (đ/c Thắng);
- Như Điều 3;
- VPUB: LĐVP(3), KT(2), TH;
- Lưu VT, TH(D).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Đại Thắng

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐUA CHỌN NHÀ THẦU

Đề án trang bị máy tính cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

(Kèm theo Quyết định số: 1036/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 1: Tư vấn lựa chọn nhà thầu	9,0	Vốn ngân sách tỉnh.	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III/2017	Trọn gói	30 ngày
2	Gói thầu số 2: Cung cấp thiết bị, lắp đặt, cài đặt và vận chuyển đến nơi sử dụng	4.772,2		Chào hàng cạnh tranh thông thường	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III/2017	Trọn gói	20 ngày
3	Gói thầu số 3: Tư vấn Giám sát lắp đặt thiết bị	78,4		Chỉ định thầu rút gọn		Quý III/2017	Trọn gói	20 ngày
4	Gói thầu số 4: Tư vấn Kiểm toán	64,1		Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV/2017	Trọn gói	20 ngày
	Tổng cộng:	4.923,7						

BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Đề án: Trang thiết bị máy tính cho các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn

(Kèm theo Quyết định số: 1036 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

STT	Nội dung chi phí	Hệ số	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT (VAT)	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
I	Chi phí thiết bị			4.338.363.636	433.836.364	4.772.200.000	Gtb
II	Chi phí quản lý dự án	1.7000%	Gtb x 1,7%	73.752.182	7.375.218	81.127.400	Gql
III	Chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT		(I+...+3)	101.569.769	10.156.977	111.726.746	Gtv
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	0.5100%	Gtb x 0,51%	22.125.655	2.212.565	24.338.220	
2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	0.1888%	Gtb x 0,1888%	8.190.831	819.083	9.009.914	
3	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	1.6424%	Gtb x 1,6424%	71.253.284	7.125.328	78.378.613	
IV	Chi phí khác		(1+...+6)	85.898.000	6.281.000	92.178.923	Gk
1	Lệ phí thẩm định báo cáo KTKT	0.0190%	TMĐT x 0,019%	1.008.918		1.008.918	
2	Chi phí thẩm định giá thiết bị		Theo hóa đơn	4.545.455	454.545	5.000.000	
3	Chi phí thẩm định HSMT	0.0500%	Gtb x 0,05%	2.386.100		2.386.100	
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0.0500%	Gtb x 0,05%	2.386.100		2.386.100	
5	Chi phí kiểm toán	1.5674%	TMĐT x 1,5674% x 70%	58.261.297	5.826.130	64.087.427	
6	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn	0.9314%	TMĐT x 0,9314% x 70% x 50%	17.310.378		17.310.378	
V	Chi phí dự phòng	5.0000%	(Gtb+Gql+Gtv+Gk) x 5%			252.861.653	
	TỔNG CỘNG		(I+II+III+IV+V)			5.310.094.722	TM